TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HS-ST
Ngày: 11-9-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Ngọc Thời

+ Bà Huỳnh Thị Mỹ Lễ

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Văn Thái, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi tham gia phiên tòa*:** Ông Huỳnh Thanh Tụ – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2025/TLST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 40/2025/HSST-QĐ ngày 20 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo:

Lương Đình N, sinh ngày 03 tháng 02 năm 1971, tại Thanh Hoá; nơi cư trú: Tổ dân phố X, thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (nay là tổ dân phố X, xã N, tỉnh Thanh Hóa);

Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12;

Dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Lương Đình P (đã chết) và bà Quách Thị T, sinh năm 1942;

Vợ: Nguyễn Thị C, sinh năm 1975;

Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2001;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 18/6/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 01 năm cải tạo không giam giữ về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/10/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH P1; địa chỉ: Đ, thôn T, xã T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến B - Giám đốc. Vắng mặt.

2. Ông Đăng Thăng L, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn D, xã T, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3. Anh Lương Đình B1, sinh năm 1999; địa chỉ: Tổ dân phố X, xã N, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH P1 (gọi tắt là Công ty P1) có ký kết hợp đồng với Công ty Cổ phần T2 để vận chuyển hàng hóa của Tổng công ty B2 (VietNam Post). Từ tháng 10/2023, Đăng Thăng L là nhân viên lái xe của Công ty P1 được giao xe ô tô BKS 29H-402.90 điều khiển để vận chuyển hàng hóa.

Từ tháng 5/2024, L cùng Lương Đình N điều khiển xe ô tô trên để vận chuyển hàng hóa. Đến tháng 8/2024, L thuê N điều khiển xe ô tô biển số 29H-402.90 để vận chuyển hàng hóa cho VietNam Post chạy tuyến Hà Nội – thành phố Hồ Chí Minh và ngược lại. N rủ con trai là Lương Đình B1 cùng điều khiển ô tô này để vận chuyển hàng hóa.

Trong quá trình vận chuyển hàng hóa cùng với L, N có quen biết với một người đàn ông tên S ở thành phố Hồ Chí Minh (tài khoản zalo Tiger, chưa xác định rõ nhân thân). Chiều ngày 30/9/2024, S điện thoại qua zalo cho N để gửi hàng (N biết là thuốc lá điếu nhập lậu) thì N đồng ý. Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 30/9/2024, N điều khiển xe ô tô đến nhận hàng của VietNam Post tại bưu cục quận T. Sau khi nhận hàng xong, khoảng hơn 00 giờ ngày 01/10/2024, N điều khiển xe ô tô biển số 29H-402.90 đến tại địa điểm bãi đất trống dưới chân cầu T, quận A, thành phố Hồ Chí Minh đợi khoảng 05 phút thì có một người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch) điều khiển xe tải đến giao 26 kiện thuốc lá điếu nhập lậu cho N và trả tiền cước vận chuyển bằng tiền mặt là 3.100.000đồng. Sau đó, N mở móc khóa bên hông thùng xe để chuyển 26 kiện thuốc lá điếu nhập lậu lên xe ô tô. Tại thời điểm này, Lương Đình B1 đang ngủ, không tham gia vào việc giao, nhận 26 kiện hàng (các kiện thuốc lá điếu nhập lậu đều được bọc trong bao tải, đóng kín).

Nhận hàng xong, N điều khiển xe ô tô đi từ thành phố Hồ Chí Minh đến thành phố P, tỉnh Bình Thuận, thông qua số điện thoại 0767.906.258, Nam giao 06 kiện hàng cho một người phụ nữ (không rõ nhân thân); đến thành phố P, tỉnh Ninh Thuận, thông qua số điện thoại 0876.242.032, Nam giao 03 kiện hàng cho một người phụ nữ (không rõ nhân thân) và 10 kiện hàng cho một người đàn ông (không

rõ nhân thân).

Đến khoảng 07 giờ ngày 01/10/2024, N điều khiển xe đi đến tỉnh Khánh Hòa thì B1 thay N điều khiển xe ô tô đi đến thành phố Q, tỉnh Bình Định để giao hàng cho Bưu cục. Giao hàng xong, B1 tiếp tục điều khiển xe ô tô đi đến địa phận xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã K, tỉnh Quảng Ngãi) thì bị lực lượng chức năng dừng phương tiện, kiểm tra phát hiện trên xe đang vận chuyển 07 kiện hàng với 8.000 bao là thuốc lá điếu nhập lậu do nước ngoài sản xuất, không có hóa đơn chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại Kết luận giám định số 2224/KL-KTHS ngày 04/10/2024 của Phân Viện khoa học hình sự Bộ C3 tại thành phố Đà Nẵng kết luận:

+ 180 (một trăm tám mươi) bao thuốc lá điếu nhãn hiệu ESSE CHANGE (loại 20 điếu/bao; 10 bao/hộp; các bao còn nguyên vẹn) gửi giám định đều là thuốc lá điếu thành phẩm mang nhãn hiệu ESSE CHANGE; không phải là thuốc lá điếu được sản xuất tại Việt Nam (do nước ngoài sản xuất).

+ 60 (sáu mươi) bao thuốc lá điếu nhãn hiệu RAISON ICE CAFÉ (loại 20 điếu/bao; 10 bao/hộp; các bao còn nguyên vẹn) gửi giám định đều là thuốc lá điếu thành phẩm mang nhãn hiệu RAISON ICE CAFÉ; không phải là thuốc lá điếu được sản xuất tại Việt Nam (do nước ngoài sản xuất).

+ 100 (một trăm) bao thuốc lá điếu nhãn hiệu ESSE CLASSIC (loại 20 điếu/bao; 10 bao/hộp; các bao còn nguyên vẹn) gửi giám định đều là thuốc lá điếu thành phẩm mang nhãn hiệu ESSE CLASSIC; không phải là thuốc lá điếu được sản xuất tại Việt Nam (do nước ngoài sản xuất).

+ 180 (một trăm tám mươi) bao thuốc lá điếu nhãn hiệu ESSE GOLDEN LEAF (loại 20 điếu/bao; 10 bao/hộp; các bao còn nguyên vẹn) gửi giám định đều là thuốc lá điếu thành phẩm mang nhãn hiệu ESSE GOLDEN; không phải là thuốc lá điếu được sản xuất tại Việt Nam (do nước ngoài sản xuất).

+ Phân Viện khoa học hình sự tại TP Đà Nẵng không đủ cơ sở để kết luận các mẫu thuốc lá điếu mang các nhãn hiệu trên có nguồn gốc, xuất xứ chính xác từ nước nào.

Tại Cáo trạng số 21/CT-VKS-ĐP ngày 09/6/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi) truy tố Lương Đình N về tội *"Vận chuyển hàng cấm"* quy định tại điểm b khoản 3 Điều 191 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lương Đình N phạm tội *"Vận chuyển hàng cấm"* quy định tại điểm b khoản 3 Điều 191 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lương Đình N từ 06 năm đến 07 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động, bên ngoài có chữ Redmi màu đen, được gắn sim điện thoại vinaphone có mã số 11603539881.

- Trả lại cho bị cáo Lương Đình N: 01 (một) thẻ ngân hàng V mang tên Lương Đình N và 01 (một) thẻ ngân hàng MB mang tên Lương Đình N.

- Tịch thu, tiêu huỷ:

+ 07 (bảy) bao tải nhựa được dán giấy niêm phong có in hình dấu của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường Công an tỉnh Q và chữ viết, chữ ký của ông Nguyễn Phi C1, ông Lương Đình N, ông Lương Đình B1 (bên trong có chứa thuốc lá điếu nhập lậu, số lượng 7.480 bao).

+ 01 (một) bì niêm phong, có chữ ký của Lương Đình N, Lương Đình B1, Nguyễn Phi C1, bên trong có chứa 02 (hai) seal kẹp chì nhựa đều có mã số EMS 700916.

Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Lương Đình N nộp số tiền 3.100.000đồng thu lợi bất chính sung vào ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Ngày 01/7/2025 Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi được thành lập. Căn cứ theo quy định tại Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân thì Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi và Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi tiếp tục giải quyết vụ án nêu trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại Nghị quyết số

81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH P1 và ông Đăng Thăng L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra, việc vắng mặt của những người này tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Tại phiên tòa, bị cáo Lương Đình N khai nhận toàn bộ hành vi của phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo Lương Đình N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 01/10/2024, các kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định: Ngày 01/10/2024, bị cáo Lương Đình N lợi dụng việc điều khiển xe ô tô biển số 29H-402.90 vận chuyển hàng hóa cho Tổng công ty B2 (VietNam Post) để vận chuyển thuê cho đối tượng tên S (không rõ nhân thân, lai lịch) 07 kiện hàng với 8.000 bao thuốc lá điếu nhập lậu do nước ngoài sản xuất, không có hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc, thu lợi bất chính số tiền 3.100.000đồng.

[5] Theo Kết luận giám định số 2224/KL-KTHS ngày 04/10/2024 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng thì toàn bộ bao thuốc lá điếu gửi giám định đều không phải là thuốc lá điếu được sản xuất tại Việt Nam (do nước ngoài sản xuất); Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng không đủ cơ sở để kết luận các mẫu thuốc lá điếu mang các nhãn hiệu trên có nguồn gốc, xuất xứ chính xác từ nước nào. Như vậy, có căn cứ xác định số thuốc lá điếu mà bị cáo Lương Đình N đã vận chuyển vào ngày 01/10/2024 là thuốc lá điếu nhập lậu.

[6] Khi thực hiện hành vi vận chuyển hàng cấm (thuốc lá điếu nhập lậu) nêu trên thì bị cáo Lương Đình N có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, bị cáo nhận thức được hành vi vận chuyển hàng cấm là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn thu lợi bất chính nên vẫn cố ý thực hiện. Số lượng hàng cấm mà bị cáo đã vận chuyển là 8.000 bao thuốc lá điếu nhập lậu. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi) truy tố bị cáo Lương Đình N về tội *"Vận chuyển hàng cấm"* quy định tại điểm b khoản 3 Điều 191 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[7] Hành vi vận chuyển hàng cấm nêu trên của bị cáo Lương Đình N là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, xâm phạm đến chế độ quản lý đối với các loại hàng hóa mà Nhà nước cấm kinh doanh. Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 18/6/2021 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 01 năm cải tạo không giam giữ về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện, tu dưỡng bản thân tuân thủ pháp luật mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi

phạm tội mà bị cáo đã gây ra để răn đe, giáo dục bị cáo trong việc chấp hành pháp luật, cũng như để phòng ngừa chung tội phạm.

[8] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lương Đình N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Lương Đình N đã thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình; bị cáo có cha mẹ là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, hạng ba nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[9] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Lương Đình N làm nghề lái xe thuê, đang nuôi mẹ già nên không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 191 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[10] Về biện pháp tư pháp: Quá trình điều tra, bị cáo Lương Đình N khai nhận đã thu lợi bất chính số tiền 3.100.000đồng từ việc vận chuyển thuốc lá điếu nhập lậu. Do đó, cần buộc bị cáo nộp số tiền nêu trên để tịch thu, sung ngân sách Nhà nước.

[11] Đối với các tình tiết có liên quan:

- Đối với người đàn ông tên S (sử dụng tài khoản Zalo tên T1, số điện thoại 0796.756.705): Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Lương Đình N khai S là người thuê bị cáo vận chuyển thuốc lá điếu nhập lậu vào ngày 01/10/2024. Qua xác minh, người kích hoạt số điện thoại trên là ông Nguyễn Văn C2, trú tại: Thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên đứng tên đăng ký. Tuy nhiên, ông C2 khai nhận chưa bao giờ kích hoạt và sử dụng số điện thoại nêu trên và không liên quan gì đến việc mua bán hàng cấm là thuốc lá điếu nhập lậu. Do đó, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, xử lý theo quy định là phù hợp.

- Đối với Lương Đình B1, là người điều khiển xe ô tô biển số 29H-402.90 cùng với Lương Đình N vào ngày 01/10/2024. Tuy nhiên, tại thời điểm Lương Đình N nhận vận chuyển 26 kiện hàng là thuốc lá điếu nhập lậu và giao 06 kiện hàng tại thành phố P, 13 kiện hàng tại thành phố P thì B1 đang ngủ, B1 không biết việc Lương Đình N vận chuyển thuốc lá điếu nhập lậu, Lương Đình N cũng không nói cho B1 biết trên xe có chở thuốc lá điếu nhập lậu. Ngoài ra, trong quá trình điều tra, Lương Đình B1 khai nhận ngày 12/9/2024, B1 có vận chuyển 29 kiện thuốc lá lậu cho người đàn ông tên S (sử dụng tài khoản Zalo tên T1) nhưng theo kết quả xác minh, người đứng tên đăng ký các số điện thoại đã nhận các kiện hàng chứa thuốc lá (theo lời khai của B1) khai nhận không kích hoạt các số điện thoại trên và không liên quan đến hành vi mua bán thuốc lá điếu nhập lậu; đồng thời, không thu giữ được số thuốc lá trên nên không xác định được số lượng, chủng loại để xem xét xử lý. Vì vậy, không có căn cứ xử lý Lương Đình B1 về hành vi vận chuyển hàng cấm theo quy định của Bộ luật hình sự.

- Đối với Đăng Thăng L, là người thuê Lương Đình N điều khiển xe ô tô biển số 29H-402.90: Lương Đình N và Lương Đình B1 khai biết đối tượng S qua sự giới thiệu của Đăng Thăng L. Tuy nhiên, Đăng Thăng L khai nhận chỉ gửi thông

tin đối tượng S cho N và B1, không liên quan gì đến hành vi vận chuyển thuốc lá điếu nhập lậu và L cũng không thu lợi gì đối với hành vi trên. Ngoài lời khai của N và B1 thì không có tài liệu nào khác xác định Đăng Thăng L có liên quan đến hành vi vận chuyển thuốc lá điếu nhập lậu. Việc Lương Đình N vận chuyển 8.000 bao thuốc lá điếu nhập lậu vào ngày 01/10/2025 thì N khai nhận là do bản thân N tự liên lạc với S, không liên quan đến Đăng Thăng L. Vì vậy, không có căn cứ xử lý Đăng Thăng L về hành vi vận chuyển hàng cấm theo quy định của Bộ luật hình sự.

- Đối Công ty TNHH P1: Xe ô tô biển số 29H-402.90 do Công ty TNHH P1 đứng tên chủ sở hữu. Tuy nhiên, Công ty không biết việc bị cáo Lương Đình N sử dụng xe ô tô trên để vận chuyển hàng cấm. Vì vậy, không có căn cứ xử lý đối với Công ty TNHH P1.

- Đối với người trực tiếp giao 26 kiện hàng cho bị cáo Lương Đình N tại khu vực cầu vượt T vào ngày 01/10/2024: Người này sử dụng số thuê bao di động 0776.619.497 để nhắn thông tin số liên lạc nhận hàng cho bị cáo N. Qua xác minh, số thuê bao 0776.619.497 do Hoàng Thị H, sinh năm 1958; nơi thường trú: Xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh đăng ký kích hoạt nhưng không có công dân tên Hoàng Thị H đăng ký thường trú, tạm trú và lưu trú tại địa chỉ trên.

- Đối với người sử dụng số điện thoại 0767.906.258 để nhận 06 kiện hàng tại thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Số điện thoại nêu trên do Đỗ Hoàng K, sinh năm 1984; nơi thường trú: Xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ đăng ký kích hoạt. Tuy nhiên, qua kết quả xác minh, xác định không có công dân tên Đỗ Hoàng K đăng ký thường trú, tạm trú và lưu trú tại địa chỉ trên.

- Đối với người sử dụng số điện thoại 0876.242.032 để nhận 13 kiện hàng tại thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. Số điện thoại trên do Lê Thị Kim N1, sinh năm 2004; nơi thường trú: Số C, khóm A, phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long đăng ký kích hoạt. Kết quả xác minh, xác định chị N1 là công dân có hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng hiện tại chị N1 không sinh sống tại địa chỉ trên, ở đâu, làm gì không rõ.

- Đối với 07 kiện hàng còn lại chứa 8.000 bao thuốc lá điếu nhập lậu mà Cơ quan điều tra đã thu giữ, chưa xác minh được người nhận hàng, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, xử lý theo quy định là phù hợp.

- Đối với các số điện thoại (gồm: 0777.725.428, 0348.285.713, 0373.693.935, 0902.184.951, 0838.319.047, 0869.962.760) mà bị cáo Lương Đình N và anh Lương Đình B1 khai báo có liên quan đến hành vi vận chuyển thuốc lá xảy ra trước ngày 01/10/2024: Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, kết quả những người đứng tên đăng ký kích hoạt các số điện thoại nêu trên đều xác định không kích hoạt, sử dụng các số điện thoại trên, không liên quan gì đến việc mua bán hàng cấm là thuốc lá điếu nhập lậu hoặc người đứng tên đăng ký kích hoạt các số điện thoại nêu trên có đăng ký thường trú tại địa phương nhưng hiện tại không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì không rõ. Đối với số điện thoại 0869.962.760 do Phan Thị H1, sinh ngày 01/02/1992, nơi thường trú: Xã B, huyện G, tỉnh Nam Định kích hoạt, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q đã gửi ủy thác điều tra

cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N nhưng chưa có kết quả trả lời nên chưa có căn cứ để xem xét, xử lý.

[12] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động, bên ngoài có chữ Redmi màu đen, được gắn sim điện thoại vinaphone có mã số 11603539881. Đây là phương tiện thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo N, được bị cáo sử dụng để liên hệ nhận, giao thuốc lá điếu nhập lậu nên cần tịch thu, sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 thẻ ngân hàng V mang tên Lương Đình N và 01 thẻ ngân hàng MB mang tên Lương Đình N. Đây là phương tiện thanh toán của bị cáo Lương Đình N, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo Lương Đình N.

- Đối với 07 bao tải nhựa được dán giấy niêm phong có in hình dấu của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường Công an tỉnh Q và chữ viết, chữ ký của ông Nguyễn Phi C1, ông Lương Đình N, ông Lương Đình B1 (bên trong có chưa thuốc lá điếu nhập lậu, số lượng 7.480 bao). Đây là vật chứng thuộc loại cấm vận chuyển, lưu hành nên cần tịch thu, tiêu huỷ.

- Đối với 01 bì niêm phong, có chữ ký của Lương Đình N, Lương Đình B1, Nguyễn Phi C1, bên trong có chứa 02 seal kẹp chì nhựa đều có mã số EMS 700916. Đây là đồ vật bị cáo Lương Đình N sử dụng để kẹp các kiện hàng cho bưu cục, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu huỷ.

- Đối với 01 xe ô tô tải nhãn hiệu HINO, biển số 29H-402.90. Đây là tài sản thuộc sở hữu của Công ty TNHH P1; việc bị cáo Lương Đình N sử dụng xe ô tô trên để vận chuyển hàng cấm thì chủ sở hữu xe ô tô trên hoàn toàn không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe ô tô trên cho chủ sở hữu là phù hợp.

- Đối với: 01 giấy biên nhận thế chấp đề ngày 29/5/2024 giữa Công ty TNHH Một Thành viên T3 (TFSVN) và Công ty TNHH P1; 01 giấy chứng nhận kiểm định đối với phương tiện BKS 29H-402.90; 01 giấy phép lái xe hạng C mang tên Lương Đình B1; 01 điện thoại di động Xiaomi màu đen, bên trong có 02 sim điện thoại có số điện thoại 0917.629.119 và 0889.727.443; 01 điện thoại di động SAMSUNG màu xanh đen, bên trong có 01 sim số điện thoại 0987.658.622. Các giấy tờ, tài sản trên không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Lương Đình N nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

[14] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[15] Về án phí: Bị cáo Lương Đình N phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[16] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Lương Đình N phạm tội *"Vận chuyển hàng cấm"*.

Xử phạt bị cáo Lương Đình N 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 01/10/2024).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động, bên ngoài có chữ Redmi màu đen, được gắn sim điện thoại vinaphone có mã số 11603539881.

- Trả lại cho bị cáo Lương Đình N: 01 (một) thẻ ngân hàng V mang tên Lương Đình N và 01 (một) thẻ ngân hàng MB mang tên Lương Đình N.

- Tịch thu, tiêu huỷ:

+ 07 (bảy) bao tải nhựa được dán giấy niêm phong có in hình dấu của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường Công an tỉnh Q và chữ viết, chữ ký của ông Nguyễn Phi C1, ông Lương Đình N, ông Lương Đình B1 (bên trong có chứa thuốc lá điếu nhập lậu, số lượng 7.480 bao).

+ 01 (một) bì niêm phong, có chữ ký của Lương Đình N, Lương Đình B1, Nguyễn Phi C1, bên trong có chứa 02 (hai) seal kẹp chì nhựa đều có mã số EMS 700916.

Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27/6/2025 giữa Công an tỉnh Q và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Quảng Ngãi).

3. Về áp dụng biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Buộc bị cáo Lương Đình N nộp số tiền 3.100.000đồng (ba triệu một trăm nghìn đồng) thu lợi bất chính sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Lương Đình N phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo Lương Đình N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên

án sơ thẩm. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 6 - Quảng Ngãi;
- CQCSĐT Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 6 - Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong